Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy, bút, thẻ số; que đếm hoặc nắp sạch nếu cần kiểm bằng nhóm.
Đọc dữ kiện, tự chọn cách làm rồi viết theo yêu cầu.
Có thể làm từng nhiệm vụ rồi nghỉ; mở đáp án sau khi đã thử.

BÀI 1

Nhân không nhớ

Nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số khi không phát sinh nhớ.

VÍ DỤ

213 × 3: nhân lần lượt từ hàng đơn vị, 3 × 3 = 9, 1 × 3 = 3, 2 × 3 = 6; kết quả 639.

1 Đặt tính rồi tính 123 × 3. Nói cách tự kiểm.

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times\ \ 3 \\ \hline \square \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính 2124 × 2. Nói cách tự kiểm.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 1 · tiếp tục

3 Đặt tính rồi tính 2131 × 3. Nói cách tự kiểm.

4 Mỗi hộp có 134 nhãn. Hai hộp như thế có tất cả bao nhiêu nhãn? Viết phép tính và lời trả lời.

BÀI 2

Nhân có một lượt nhớ

Thực hiện phép nhân một chữ số có một lượt nhớ và giải thích giá trị nhớ.

VÍ DỤ

2316 × 3: 6 × 3 = 18, viết 8 nhớ 1; 1 × 3 + 1 = 4; 3 × 3 = 9; 2 × 3 = 6. Kết quả 6948.

1 Đặt tính rồi tính 4038 × 2. Nói cách tự kiểm.

$$\begin{array}{r} 4038 \\ \times\ \ 2 \\ \hline \end{array}$$

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 2 · tiếp tục

2 Đặt tính rồi tính 2316 × 3. Nói cách tự kiểm.

3 Đặt tính rồi tính 21326 × 3. Nói cách tự kiểm.

4 Bạn tính 126 × 2 = 242 vì quên cộng số nhớ. Em tính lại và chỉ rõ chỗ cần sửa.

BÀI 3

Nhân hai lượt nhớ không liên tiếp

Nhân một chữ số với tối đa hai lượt nhớ nằm ở các hàng không liền nhau.

VÍ DỤ

1524 × 3 = 4572. Nhớ sau 4 × 3 = 12 ở hàng đơn vị; hàng chục 2 × 3 + 1 = 7 không nhớ; hàng trăm 5 × 3 = 15 nhớ một lần nữa.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

1 Đặt tính rồi tính 2716 × 3. Nói cách tự kiểm.

$$\begin{array}{r} 2\,7\,1\,6 \\ \times\quad\quad 3 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính 3627 × 2. Nói cách tự kiểm.

3 Đặt tính rồi tính 4638 × 2. Nói cách tự kiểm.

4 Tính 3716 × 2. Chỉ hai hàng phát sinh nhớ và hàng nằm giữa không phát sinh nhớ.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 4

Giao hoán và kết hợp khi nhân

Dùng đổi chỗ thừa số và nhóm thừa số để tính thuận tiện.

VÍ DỤ

3 × 4 = 4 × 3 = 12. Với ba thừa số, (2 × 5) × 3 = 2 × (5 × 3) = 30; chỉ thay cách nhóm, không đổi các thừa số.

1 Tính 4 × 7 và 7 × 4. Nêu điều giống nhau khi đổi chỗ hai thừa số.

2 Tính (2 × 5) × 4 và 2 × (5 × 4). Vì sao có thể chọn cách nhóm thuận tiện?

3 Dùng đổi chỗ để tìm 8 × 3 từ phép tính 3 × 8 đã biết. Viết đẳng thức.

4 Một nhóm nhận 2 túi, mỗi túi 5 nhãn. Bốn nhóm như vậy nhận bao nhiêu nhãn? Viết hai cách nhóm phép nhân.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 5

Nhẩm và vận dụng phép nhân

Nhẩm những tích đơn giản và chọn phép nhân cho các nhóm bằng nhau.

VÍ DỤ

3000 × 2 là 3 nghìn được lấy 2 lần: 6 nghìn, tức 6000.

1 Nhẩm 2000 × 4 và 12000 × 3. Giải thích bằng nghìn.

2 Một hộp có 17 bút. Bốn hộp có bao nhiêu bút? Tự kiểm bằng cộng hoặc chia.

3 Chọn cách nhẩm cho 25 × 4: dùng 25 + 25 = 50 rồi gấp đôi. Viết các bước và kết quả.

4 Em tự đặt một chuyện có ba nhóm, mỗi nhóm 124 vật, rồi giải.